

Số: 241/QĐ-TQT

Uông Bí, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công khai "Về việc cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND thành phố Uông Bí năm 2023"

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023;

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc thực hiện công khai bổ sung kinh phí theo Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu "bổ sung kinh phí theo Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 21/12/2023 đến hết ngày 21/3/2024

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Quốc Phong

Đơn vị: Trường THCS Trần Quốc Toản

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 241/QĐ-TQT, ngày 21/12//2023 của Hiệu trưởng trường THCS Trần Quốc Toản.)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

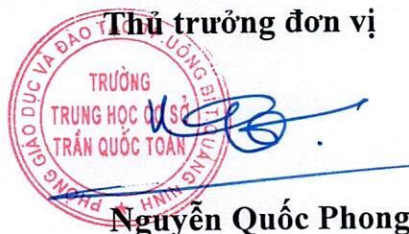
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Thu học phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	29.823.147
I	Nguồn ngân sách trong nước	29.823.147
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.823.147
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	29.823.147
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi khác	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
II	Nguồn vốn viện trợ	

Quang Trung, ngày 21 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Thị Vân Anh

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Quốc Phong

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai "Về việc cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND thành phố Uông Bí năm 2023"

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TQT của Trường THCS Trần Quốc Toản ngày 21/12/2023 "Về việc công khai bổ sung kinh phí theo Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023;

Hôm nay, vào hồi 14h30' ngày 21/12/2023, tại phòng họp của Trường THCS Trần Quốc Toản.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB-GV-NV nhà trường: 71/72 đ/c; Vắng: 01 Đ/c nghỉ thai sản
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Quốc Phong - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Đinh Thị Quyên - Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Nguyễn Thị Vân Anh - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Dương Thị Phương Thúy - Chức vụ: Thư ký HĐSP

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai "Về việc cấp bổ sung kinh phí Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp



bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023;

Căn cứ Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023; (Kèm theo Quyết định "Về việc cấp bổ sung kinh phí tự chủ cho các đơn vị năm 2023).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 21/12/2023 đến hết ngày 21/3/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Công khai trên trang Web và tại Bảng thông báo của Trường THCS Trần Quốc Toàn, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung theo Quyết định 1551/QĐ-PGD-ĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố vv cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023" của Trường THCS Trần Quốc Toàn, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Đinh Thị Quyên - Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn, SĐT: 0384988506) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định)

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn công khai "cấp bổ sung tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND thành phố Uông Bí năm 2023" của Trường THCS Trần Quốc Toàn từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00 phút ngày 21/12/2023.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và dán niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ

Dương T.Phương Thủy

Đinh Thị Quyên

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Quốc Phong

Số: 1551/QĐ-PGDĐT

Uông Bí, ngày 06 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh tăng, giảm kinh phí theo các Quyết định giao biên chế của UBND Thành phố năm 2023”

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí "V/v tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; Quyết định số 4018/QĐ-UBND ngày 04/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí "V/v tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí "V/v tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND thành phố Uông Bí năm 2023.

Theo đề nghị của Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí cho các đơn vị trường học số tiền: 98.465.688đ (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) để thực hiện nội dung điều chỉnh tăng giảm (Có biểu chi tiết gửi kèm theo).

Điều 2. Giao bộ phận Tài vụ cấp số kinh phí trên để các đơn vị trường học thực hiện; Các đơn vị trường học phân bổ dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trường học, Kho bạc nhà nước Uông Bí, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, TV PGDĐT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

UBND THÀNH PHỐ BẮC NINH
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BẢNG TỔNG TÀNG, GIẢM KINH PHÍ THEO QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH GIAO BIẾN CHẾ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-PPGDĐT ngày 06/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Đồng

Các khoản phụ cấp																		Tỷ lệ tự đảm bảo theo QĐ 4306 ngày 25/8/2023 (%)		Tổng tiền điều chỉnh (+) tăng; (-) giảm		Ghi chú
STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày, tháng, năm chuyển đi, nghỉ hưu theo QĐ	Hệ số lương theo ngạch, bậc	Tổng hệ số phụ cấp	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên VK		Phụ cấp thâm niên nghề		Phụ cấp ưu đãi		Phụ cấp khu vực	Phụ cấp trách nhiệm	Tiền lương chính & phụ cấp	23,5% các khoản đóng góp (Gồm BHXH 17,5%, YT 3%, TN 1%, KPCĐ 2%)	Số tháng	Nhu cầu kinh phí (+) tăng; (-) giảm	Tỷ lệ	Số tiền		
							%	Hệ số phụ cấp	%	Hệ số phụ cấp	%	Hệ số phụ cấp										
1	2	3	4	5	$6=7+9+11+13+14+15$	7	8	9	10	11	12	13	14	15	$16=(5+6) \times \text{mức lương}$	$17=(5+7+9+11) \times \text{mức lương} \times 23,5\%$	18	$19=(16+17) \times 18$	20	$21=19 \times 20$	$22=19-21$	
	TỔNG CỘNG			(0,10)	2,35	-	0,48	0,85	1,13	(0,08)	4,75	0,59	1,10	(0,10)	12.931,087	1.874,552	98.255,795		2	(209,894)	98.465,688	
	KHOI MÀM NON			(14,07)	(6,57)	-	0,10	(0,50)	0,67	(2,75)	2,45	(4,92)	1,60	-	(30.755,239)	(6.063,407)	(122,345,694)		1	(27,228,022)	(181,218,298)	
	Trường 19/5			(8,40)	(1,34)	-	-	-	-	-	-	(2,94)	1,60	-	(14,512,600)	(2,941,260)	(209,446,320)					
1	Phạm Thu Hà	GV	30/12/2022	(2,100)	(0,34)						35%	- 0,735	0,4		(3,628,150)	(735,315)	(52,361,580)	13%	(6,807,005)	(45,554,575)	Chuyển đi	
2	Trần Ngọc Huyền	GV	30/12/2022	(2,100)	(0,34)						35%	- 0,735	0,4		(3,628,150)	(735,315)	(52,361,580)	13%	(6,807,005)	(45,554,575)	Chuyển đi	
3	Nguyễn Thị Hương	GV	30/12/2022	(2,100)	(0,34)						35%	- 0,735	0,4		(3,628,150)	(735,315)	(52,361,580)	13%	(6,807,005)	(45,554,575)	Chuyển đi	
4	Đỗ Anh Phương	GV	30/12/2022	(2,100)	(0,34)						35%	- 0,735	0,4		(3,628,150)	(735,315)	(52,361,580)	13%	(6,807,005)	(45,554,575)	Chuyển đi	
	MN Quang Trung			(8,78)	(3,97)	-	-	-	-	(0,90)	-	(3,07)	-	-	(18,996,904)	(3,388,261)	(268,621,986)	0	(37,607,078)	(221,014,908)	-	
1	Phạm Thị Dung	GV	30/12/2022	(2,720)	(1,17)				3%	(0,218)	35%	- 0,952			(5,795,504)	(1,028,601)	(81,889,256)	14%	(11,464,496)	(70,424,760)	Chuyển đi	
2	Đỗ Thị Phương	GV	30/12/2022	(2,720)	(1,20)				9%	(0,245)	35%	- 0,952			(5,836,032)	(1,038,125)	(82,489,581)	14%	(11,548,583)	(70,941,297)	Chuyển đi	
3	Đỗ Thị Nhàn	GV	30/12/2022	(3,340)	(1,60)				13%	(0,434)	35%	- 1,169			(7,365,368)	(1,321,536)	(104,242,850)	14%	(14,593,999)	(89,648,851)	Chuyển đi	
	MN Phương Nam			(2,10)	(0,74)	-	-	-	-	-	-	(0,74)	-	-	(4,224,150)	(735,315)	(59,513,580)	0	(10,117,309)	(49,396,271)	-	
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	GV	11/16/2022	(2,10)	(0,74)						35%	- 0,735			(4,224,150)	(735,315)	(59,513,580)	17%	(10,117,309)	(49,396,271)	Chuyển đi	
	MN Thanh Sơn			7,23	2,88	-	-	-		0,35		2,53	-	-	15,062,857	2,653,717	274,305,805		49,375,045	224,930,760	-	
1	Phạm Thị Dung	GV	30/12/2022	2,720	1,17				8%	0,218	35%	0,952			5,795,504	1,028,601	81,889,256	18%	14,740,066	67,149,190	Chuyển đi	
2	Đỗ Anh Phương	GV	30/12/2022	2,100	0,74						35%	0,735			4,224,150	735,315	59,513,580	18%	10,712,444	48,801,136	Chuyển đi	
3	Đỗ Thị Nhàn	GV	30/12/2022	3,340	1,60				13%	0,434	35%	1,169			7,365,368	1,321,536	104,242,850	18%	18,763,713	85,479,137	Chuyển đi	
4	Trần Ngọc Huyền	GV	30/12/2022	2,100	0,74						35%	0,735			4,224,150	735,315	59,513,580	18%	10,712,444	48,801,136	Chuyển đi	
5	Nguyễn Thị Lan Chi	GV	10/7/2023	(3,030)	(1,36)				10%	(0,303)	35%	- 1,061			(6,546,315)	(1,167,050)	(30,853,460)	18%	(5,553,623)	(25,299,837)	Chuyển đi	

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày, tháng, năm chuyển đến, chuyển đi, nghỉ hưu theo QĐ	Các khoản phụ cấp										Tiền lương chính & phụ cấp	23,5% các khoản đóng góp (Cảm BHXH 17,5%, YT 3%, TN 1%, KPCĐ 2%)	Số tháng	Nhu cầu kinh phí (+) tăng; (-) giảm	Tỷ lệ tự đảm bảo theo QĐ 4306 ngày 25/8/2023 (%)		Tổng tiền điều chỉnh (+) tăng; (-) giảm	Ghi chú	
				Phụ cấp thâm niên VK			Phụ cấp thâm niên nghề		Phụ cấp ưu đãi		Phụ cấp khu vực	Phụ cấp trách nhiệm										
				% phụ cấp	Hệ số phụ cấp	% phụ cấp	Hệ số phụ cấp	% phụ cấp	Hệ số phụ cấp													
										Phụ cấp chức vụ			Tổng hệ số phụ cấp									
	MVN Phương Đông			(2,02)	(3,41)	-	0,10	(0,50)	0,67	(2,20)	2,45	(0,71)	-	-	(8.084.442)	(1.652.288)	60	140.930.386	1	25.367.470	115.562.917	-
1	Bùi Thị Thủy Hằng	GV	1/10/2023	2.410	0,84				0%	-	35%	0,844			4.847,715	843,862	12	68.298,918	18%	12.293,805	56.005,113	Chuyển đến
2	Đỗ Thị Phương	GV	30/12/2022	2.720	1,20				9%	0,245	35%	0,932			5.836,032	1.038,125	12	82.489,881	18%	14.848,179	67.641,702	Chuyển đến
3	Phạm Thu Hà	GV	30/12/2022	2.100	0,74						35%	0,735			4.224,150	735,315	12	59.513,580	18%	10.712,444	48.801,136	Chuyển đến
4	Nguyễn Thị Hương	GV	30/12/2022	2.100	0,74						35%	0,735			4.224,150	735,315	12	59.513,580	18%	10.712,444	48.801,136	Chuyển đến
5	Đỗ Thị Phương	GV		(2.720)	(1,20)				9%	(0,245)	35%	- 0,932			(5.836,032)	(1.038,125)	4	(27.496,627)	18%	(4.949,393)	(2.547,234)	Chuyển đi
6	Nguyễn Thị Tuấn	GV	10/8/2023	(3.650)	(1,93)				18%	(0,657)	35%	- 1,278			(8.320,905)	(1.508,096)	4	(39,316,004)	18%	(7,076,881)	(32.239,123)	Chuyển đi
7	Hoàng Minh Thủy	GV		(4.980)	(3,78)		10%	(0,498)	31%	(1,544)	35%	- 1,743			(13.059,552)	(2.458,683)	4	(62,072,941)	18%	(11,173,129)	(50.899,812)	Chuyển đi
	KHOÀI TH			(10,68)	(2,38)	-	-	-	0,14	0,51	1,40	(2,00)	(0,80)	(0,10)	(21.038,074)	(3.967,798)	47	(75,978,095)	-	-	(75,978,095)	-
	TH Phương Nam A			(4,98)	(0,10)	-	-	-	-	-	-	-	-	(0,10)	(9,144,000)	(2.151,360)	4	(45,181,440)	-	-	(45,181,440)	-
1	Phạm Thị Thủy Vinh	KT	9/1/2023	(4,98)	(0,100)									(0,1)	(9,144,000)	(2.151,360)	4	(45,181,440)	0%	-	(45,181,440)	Chuyển đi
	TH Quang Trung			(2,34)	(0,82)	-	-	-	-	-	-	(0,82)	-	-	(4,706,910)	(819,351)	5	(27,631,305)	-	-	(27,631,305)	-
1	Biên chế vắng mặt	GV		(2,34)	(0,819)						35%	- 0,819			(4,706,910)	(819,351)	5	(27,631,305)	0%	-	(27,631,305)	Giảm k có mặt
	TH Trưng Vương			(2,34)	(0,82)	-	-	-	-	-	-	(0,82)	-	-	(4,706,910)	(819,351)	12	(66,315,132)	-	-	(66,315,132)	-
1	Biên chế vắng mặt	GV		(2,34)	(0,819)						35%	- 0,819			(4,706,910)	(819,351)	12	(66,315,132)	0%	-	(66,315,132)	Giảm k có mặt
	TH Lê Hồng Phong			3,66	1,79	-	-	-	0,14	0,51		1,28	-	-	8,125,566	1,460,966	11	105,451,850	-	-	105,451,850	-
1	Vũ Thị Huyền	GV		3,66	1,793				14%	0,5124	35%	1,281			8,125,566	1,460,966	11	105,451,850	0%	-	105,451,850	Chuyển đến
	TH Trần Phú			(4,68)	(2,44)	-	-	-	-	-	0,70	(1,64)	(0,80)	-	(10,605,820)	(1,638,702)	8	(48,978,088)	-	-	(48,978,088)	-
1	Biên chế vắng mặt	GV		(2,34)	(1,219)						35%	- 0,819	-0,4		(5,302,910)	(819,351)	4	(24,489,044)	0%	-	(24,489,044)	Giảm k có mặt
2	Biên chế vắng mặt	GV		(2,34)	(1,219)						35%	- 0,819	-0,4		(5,302,910)	(819,351)	4	(24,489,044)	0%	-	(24,489,044)	Giảm k có mặt
	TH Phương Nam C			(2,34)	(0,82)	-	-	-	-	-	0,35	(0,82)	-	-	(5,686,200)	(989,820)	3	(20,028,060)	-	-	(20,028,060)	-
1	Đỗ Thị Ly	GV	10/1/2023	(2,34)	(0,819)	-	-	-	-	-	35%	- 0,819			(5,686,200)	(989,820)	3	(30,028,060)	0%	-	(20,028,060)	Chuyển đi
	TH Diễn Công			2,34	0,82	-	-	-	-	-	0,35	0,82	-	-	5,686,200	989,820	4	26,704,080	-	-	26,704,080	Tăng vắng mặt
1	Biên chế vắng mặt	GV		2,34	0,819						35%	0,819	-		5,686,200	989,820	4	26,704,080	0%	-	26,704,080	Tăng vắng mặt

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày, tháng, năm chuyển đến, nghỉ hưu theo QĐ	Hệ số lương theo ngạch, bậc	Các khoản phụ cấp										Tiền lương chính & phụ cấp	23,5% các khoản đóng góp (Gồm BHXH 17,5%, YT 3%, TN 1%, KPCD 2%)	Số tháng	Nhu cầu kinh phí (+) tăng; (-) giảm	Tỷ lệ tự đảm bảo theo QĐ 4306 ngày 25/8/2023 (%)		Tổng tiền điều chỉnh (+) tăng; (-) giảm	Ghi chú
					Tổng hệ số phụ cấp	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên VIC		Phụ cấp thâm niên nghề		Phụ cấp ưu đãi		Phụ cấp khu vực	Phụ cấp trách nhiệm					Tỷ lệ	Số tiền		
							% phụ cấp	Hệ số phụ cấp	% phụ cấp	Hệ số phụ cấp	% phụ cấp	Hệ số phụ cấp										
	KHOA THCS			24,65	11,31	-	0,38	1,34	0,32	2,15	0,90	7,51	0,30	-	64.724.400	11.905.758	15	296.579.583	-	-	296.579.583	
	THCS Lý Tự Trọng			2,34	1,12	-	-	-	-	-	0,82	0,30	-	-	6.226.200	989.820	4	28.864.080	-	-	28.864.080	
1	Biên chế vắng mặt	GV		2,34	1,119					35%	0,819	0,3			6.226.200	989.820	4	28.864.080	0%	-	28.864.080	Tăng vắng mặt
	THCS Trần Quốc Toản			3,33	1,33	-	-	-	0,10	0,33		1,00	-	-	8.391.600	1.549.449	3	29.823.147	-	-	29.823.147	
1	Nguyễn Thị Hoàng Yến	GV	10/1/2023	3,33	1,33				10%	0,333	30%	0,999			8.391.600	1.549.449	3	29.823.147	0%	-	29.823.147	Chuyển đến
	THCS Phương Đông			4,32	2,25	-	-	-	0,22	0,95		1,30	-	-	11.819.520	2.229.379	4	56.195.597	-	-	56.195.597	
1	Phạm Thị Hằng	GV	22/09/2023	4,320	2,25				22%	0,950	30%	1,296			11.819.520	2.229.379	4	56.195.597	0%	-	56.195.597	Chuyển đến
	THCS Nguyễn Trãi			10,32	4,44	-	0,38	1,34	-	-	0,90	3,10	-	-	26.569.080	4.934.126		126.012.823		-	126.012.823	
1	Trần Thị Phán	GV	9/1/2023	3,66	1,68		16%	0,59			30%	1,10			9.618.480	1.795.889	4	45.657.475	0%	-	45.657.475	Chuyển đến
2	Phạm Thanh Huyền	GV	9/1/2023	3,00	1,11		7%	0,21			30%	0,90			7.398.000	1.357.830	4	35.023.320	0%	-	35.023.320	Chuyển đến
3	Nguyễn Thị Phương	GV	9/1/2023	3,66	1,65		15%	0,55			30%	1,10			9.552.600	1.780.407	4	45.332.028	0%	-	45.332.028	Chuyển đến
	THCS Phương Nam			4,34	2,17	-	-	-	-	0,87		1,30	-	-	11.718.000	2.202.984	4	55.683.936	-	-	55.683.936	
1	Trình Thị Nhung	GV		4,340	2,17				20%	0,868	30%	1,302			11.718.000	2.202.984	4	55.683.936	0%	-	55.683.936	Chuyển đến

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN

Long Bi, ngày 04 tháng 12 năm 2023

Đoàn Thị Huyền Trang

Phạm Thị Thuý Vinh

